

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu	2
1.1.1.2 Các khái niệm về chi phí	3
1.1.1.3 Khái niệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	4
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.1.3 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.1.4.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	12
1.1.4.3 Kế toán thu nhập khác	14
1.1.4.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	17
1.1.4.5 Kế toán chi phí	18
1.1.4.5 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	27
1.1.5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VINH NGÀN	30
2.1 Khát quát chung về công ty TNHH Vinh Ngàn	30
2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vinh Ngàn.	30
2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty	31
2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh	31
2.1.2.2 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của công ty	31

2.1.2.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	32
2.1.3 Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	33
2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	33
2.1.3.2 Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí.....	33
2.1.3.3 Đặc điểm chế độ kế toán	34
2.1.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	35
2.2.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân	37
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.....	37
2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng	37
2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	45
2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác	49
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác	50
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán.....	50
2.2.2.2 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	55
2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	61
2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác	65
2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	66
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VINH NGÂN.....	76
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vinh Ngân.	76
3.1.1 Kết quả đạt được	76
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	76
3.1.1.1 . Về chứng từ sử dụng	77
3.1.1.2 . Về sổ sách sử dụng:.....	78
3.1.1.3 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:	78
3.1.1.4 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	78
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân	79
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân	79

3.2.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán	79
3.2.3 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán	84
3.2.4 Về việc áp dụng chiết khấu thương mại.....	84
3.2.5 Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán	86
KẾT LUẬN	90

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao, nền kinh tế Việt nam cũng đang dần phát triển theo xu hướng hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng phong phú và sôi động, đòi hỏi luật pháp và các biện pháp kinh tế của Nhà nước phải đổi mới để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế phát triển. Trong xu hướng đó, kế toán cũng không ngừng phát triển và hoàn thiện về nội dung, phương pháp cũng như hình thức tổ chức để đáp ứng nhu cầu quản lý ngày càng cao của nền sản xuất xã hội. Để có thể quản lý hoạt động kinh doanh thì hạch toán kế toán là một công cụ không thể thiếu. Đó là lĩnh vực gắn liền với hoạt động kinh tế tài chính, đảm nhận hệ tổ chức thông tin, làm căn cứ để ra quyết định kinh tế. Vì vậy, kế toán có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp, các tổ chức, các công ty chuyên kinh doanh sản xuất các loại mặt hàng tương tự nhau diễn ra hết sức gay gắt. Trong điều kiện cạnh tranh như thế, thực hiện chính sách tiêu thụ hàng hóa và tổ chức công tác kế toán tiêu thụ thành phẩm có ảnh hưởng lớn đến doanh số bán ra và lợi nhuận của doanh nghiệp. Nó cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho hoạt động bán hàng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên cùng với việc vận dụng lý luận đã được học tại trường lớp kết hợp với thực tế thu nhận được trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Vinh Ngân em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân” để làm khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng cùng các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH Vinh Ngân đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận.

Sinh viên

Đỗ Thị Quý

CHƯƠNG 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu thuần:** Là khoản doanh thu bán hàng sau khi trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, các loại thuế không được hoàn lại.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

Hàng bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối , trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã ký kết.

Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất , không đúng quy cách , giao hàng không đúng thời gian địa điểm trong hợp đồng ...

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

Thuế và các khoản thuế không được hoàn lại:

Thuế tiêu thụ đặc biệt được tính cho các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng mà nhà nước không khuyến mãi như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá,...

Thuế xuất khẩu: được tính cho tất cả các tổ chức, cá nhân bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ với nước ngoài

Thuế GTGT trực tiếp: đơn vị áp dụng thuế GTGT trực tiếp thì kế toán không sử dụng các TK133, 3331 để theo dõi khoản thuế bán ra và thuế mua vào. Cuối mỗi tháng, kế toán phải tổng hợp được doanh số bán ra và doanh số mua vào để tính số thuế GTGT còn phải nộp cho nhà nước

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

1.1.1.2 Các khái niệm về chi phí

- **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán..khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.. nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn,tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh kinh doanh của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ,... Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế,...

1.1.1.3 Khái niệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là tổng số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính với chi phí tài chính.

- **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa cả về số lượng, chất lượng, chủng loại.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.
- Theo dõi các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán.. Đồng thời kiểm soát việc thu hồi công nợ của khách hàng.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.
- Lựa chọn đúng phương pháp tính giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Đưa ra các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao cho doanh thu của doanh nghiệp đạt được hiệu quả mong muốn, giảm chi phí ở mức thấp nhất có thể.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Đối với các nhà đầu tư:

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với nhà nước:

- Cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia từ số liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, nhà nước đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất, tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Đối với DN có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Thời điểm ghi nhận doanh thu.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Nghĩa là khi được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả VAT).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.

- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kỳ) và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Các trường hợp không được hạch toán vào TK 511:

- +) Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị nội bộ với nhau

+) Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được (TK 711)

+) Các khoản nợ không có người đòi

+) Các khoản thu nhập khác

• **Các phương thức bán hàng**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp(bán tại chỗ)*: là phương thức khách hàng trực tiếp đến doanh nghiệp để mua hàng không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức gửi hàng đi bán* : Doanh nghiệp gửi hàng đến tận người mua, khi nào người mua thanh toán, thanh toán một phần hoặc chấp nhận thanh toán mới coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho

người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa vật tư tương ứng trên thị trường

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán: phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, phiếu xuất,...
- Các chứng từ thanh toán: Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu,...

*** Tài khoản sử dụng**

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - + TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu TK 511

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

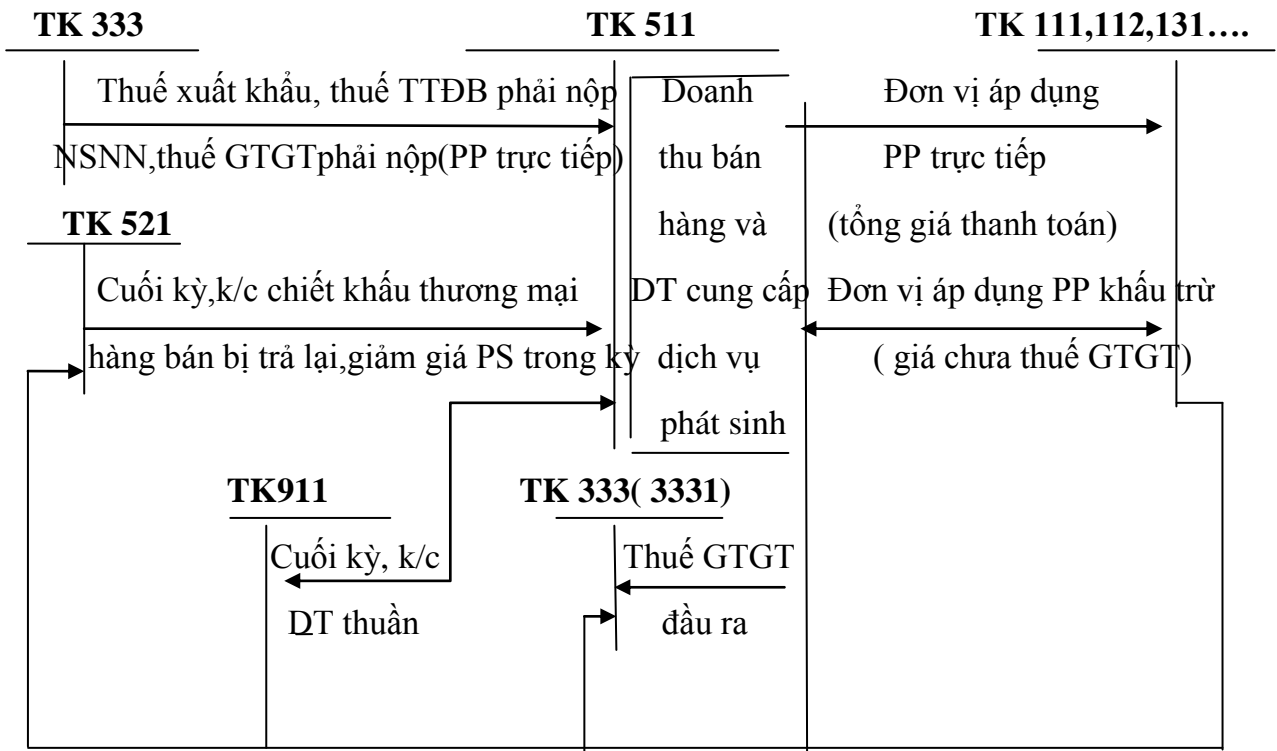
Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**

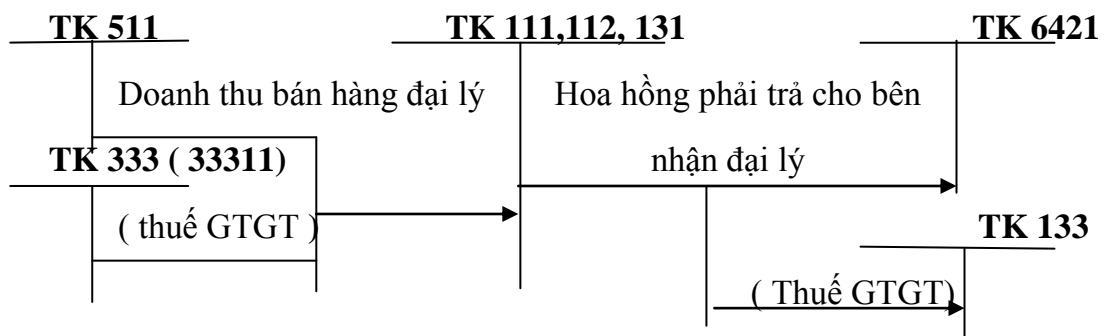
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



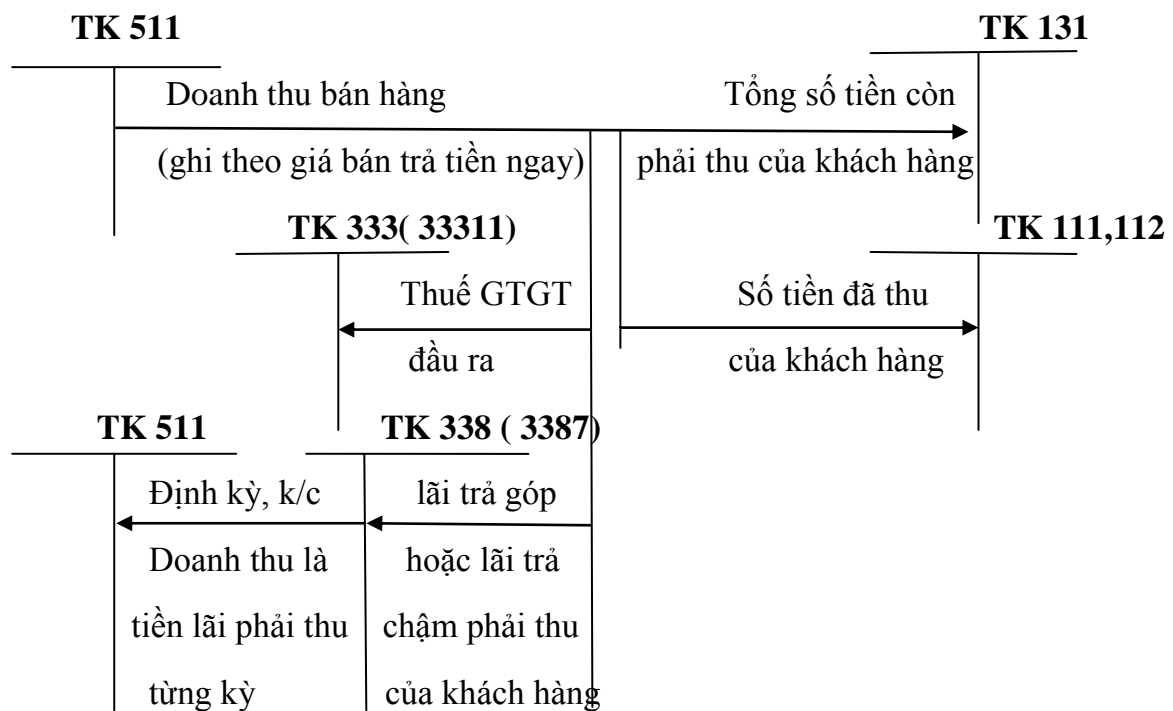
Chiết khấu thương mại, DT hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán PS trong kì

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

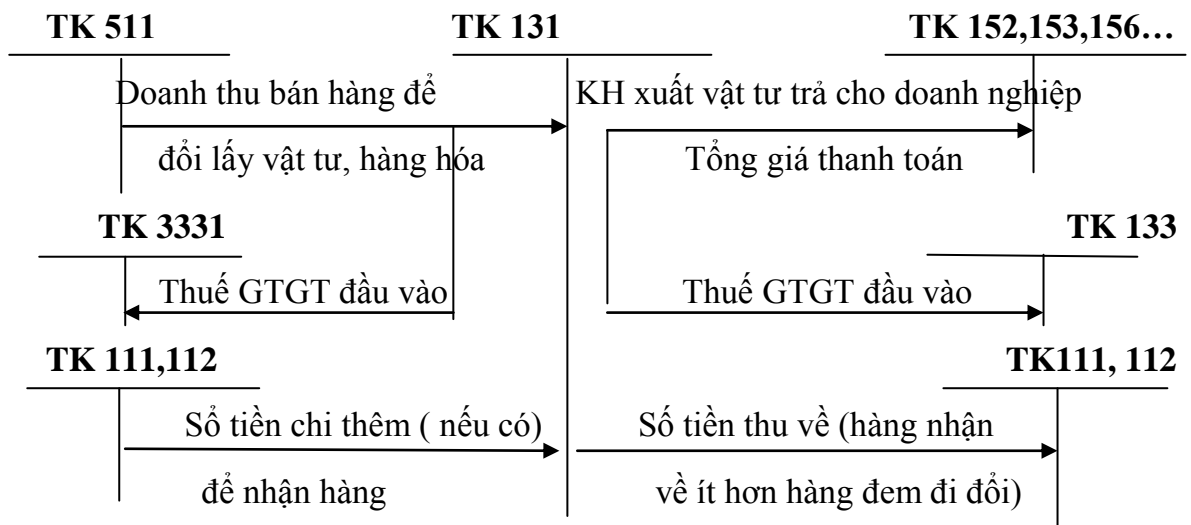
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.4 Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



1.1.4.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

Nội dung doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ..

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu, thương hiệu, phần mềm vi tính,...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập từ đầu tư mua bán những khoản ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác..

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Giấy báo chia lãi cổ tức
- Bản sao kê của ngân hàng và các chứng từ khác liên quan

*** Tài khoản sử dụng TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

TK này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

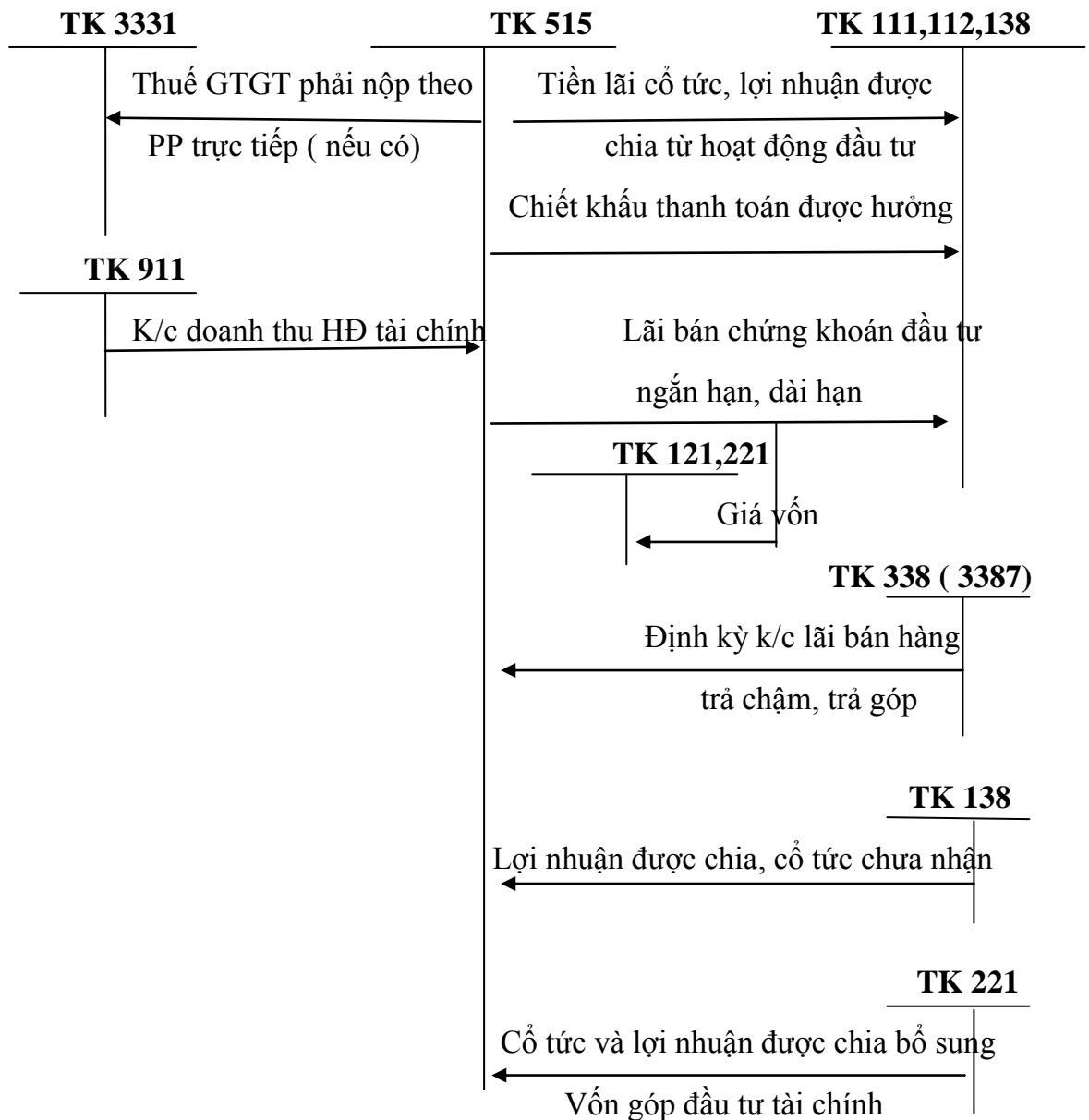
Bên Có:

Ghi nhận doanh thu tài chính phát sinh trong kì như: tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán được hưởng, lãi tỷ giá hối đoái,...

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.\

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.1.4.3 Kế toán thu nhập khác

Nội dung của các khoản thu nhập khác:

Gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách hoàn lại, thu các khoản nợ không xác định được chủ. Các khoản

tiền thưởng của khách hàng, thu nhập từ quà tặng,...

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

*** Tài khoản sử dụng**

TK 711- Thu nhập khác

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

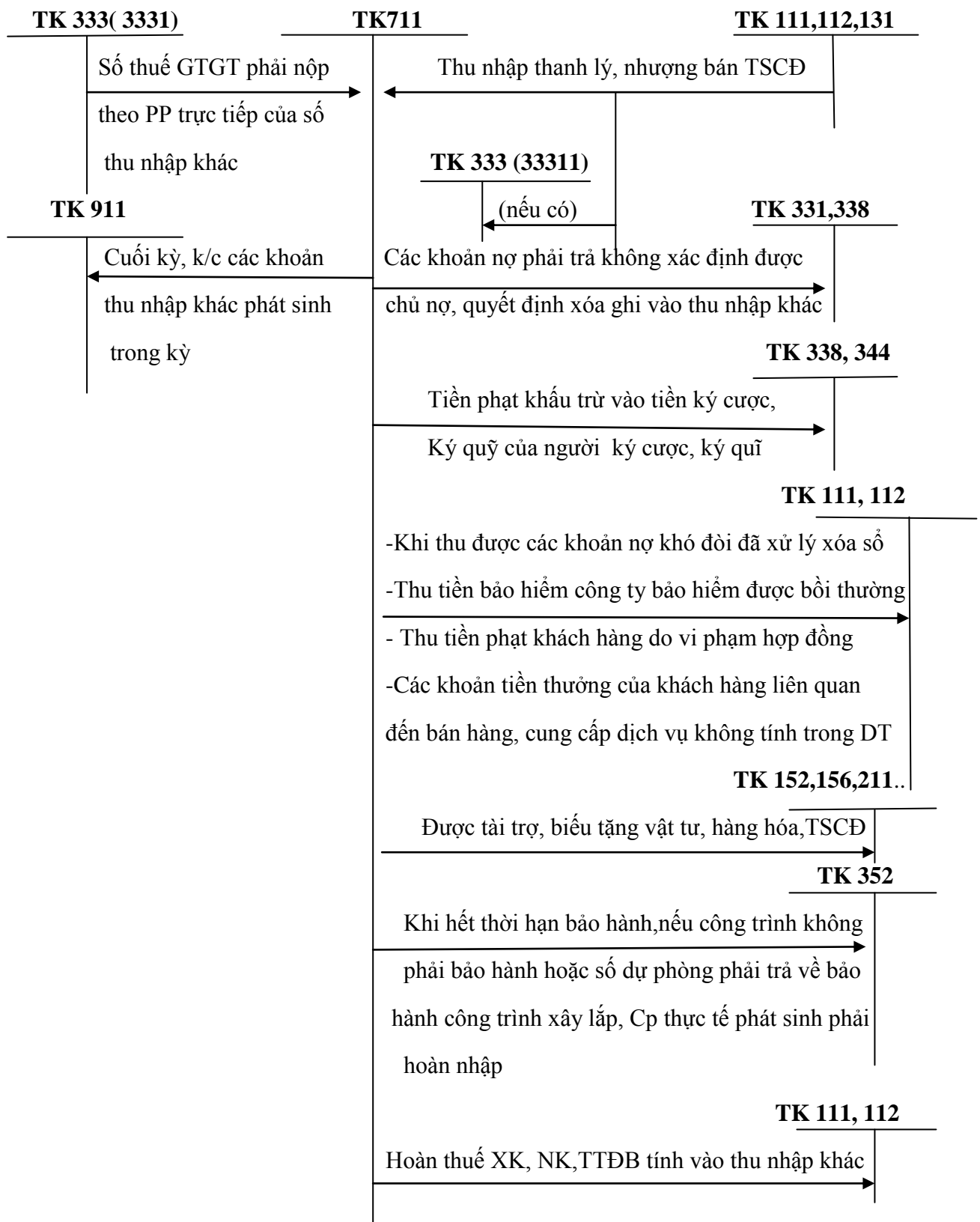
Bên Có

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



1.1.4.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

*** Tài khoản sử dụng**

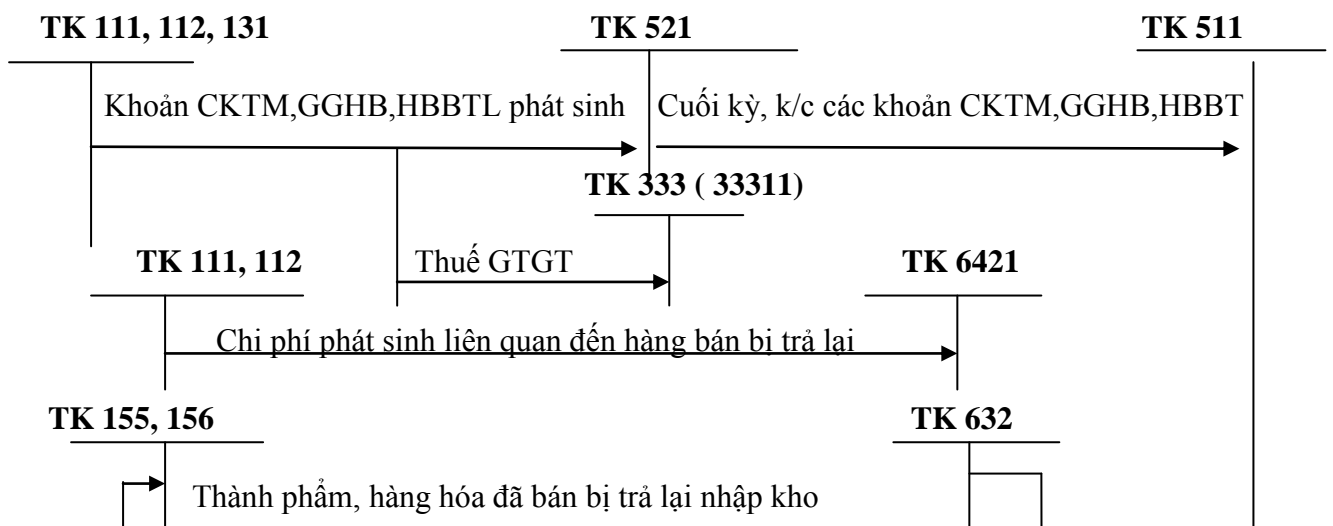
Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:
- TK 5211- Chiết khấu thương mại
 - TK 5212- Hàng bị trả lại
 - TK 5213- Giảm giá hàng bán

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

+ Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.1.4.5 Kế toán chi phí

1.1.4.5.1 Giá vốn hàng bán

Nội dung giá vốn hàng bán bao gồm:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí vượt mức về sản xuất, xây dựng và tự chế TSCĐ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
- Các khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường thu được
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho + Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân gia} \\ \text{quyền cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn} \\ \text{kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{tồn kho đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá hàng hóa nhập} \\ \text{kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ

+ Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân sau} \\ \text{lần nhập thứ } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LiFO)

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng,...

*** Tài khoản sử dụng:** TK 632: Giá vốn hàng bán

TK này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ

Ghi nhận chi phí về giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ.

Bên có

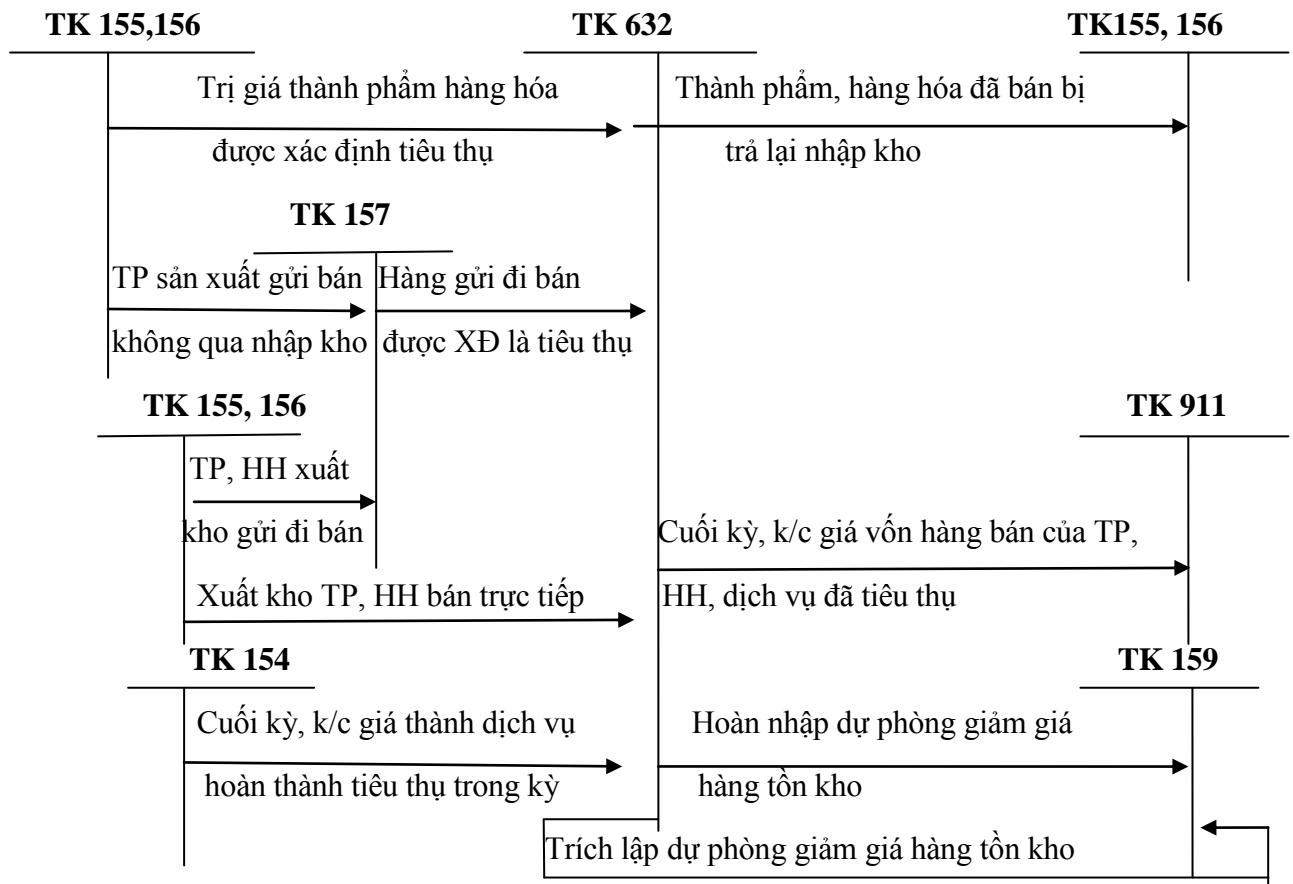
Khoản điều chỉnh giảm giá chi phí về giá vốn

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí về giá vốn.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



1.1.4.5.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ KH
- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho,...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Các tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:

+ TK 6421- “ Chi phí bán hàng”

+ TK 6422 -“ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ: Tập hợp chi phí bán hàng (TK6421), chi phí quản lý kinh doanh (TK 6422) thực tế phát sinh trong kỳ.

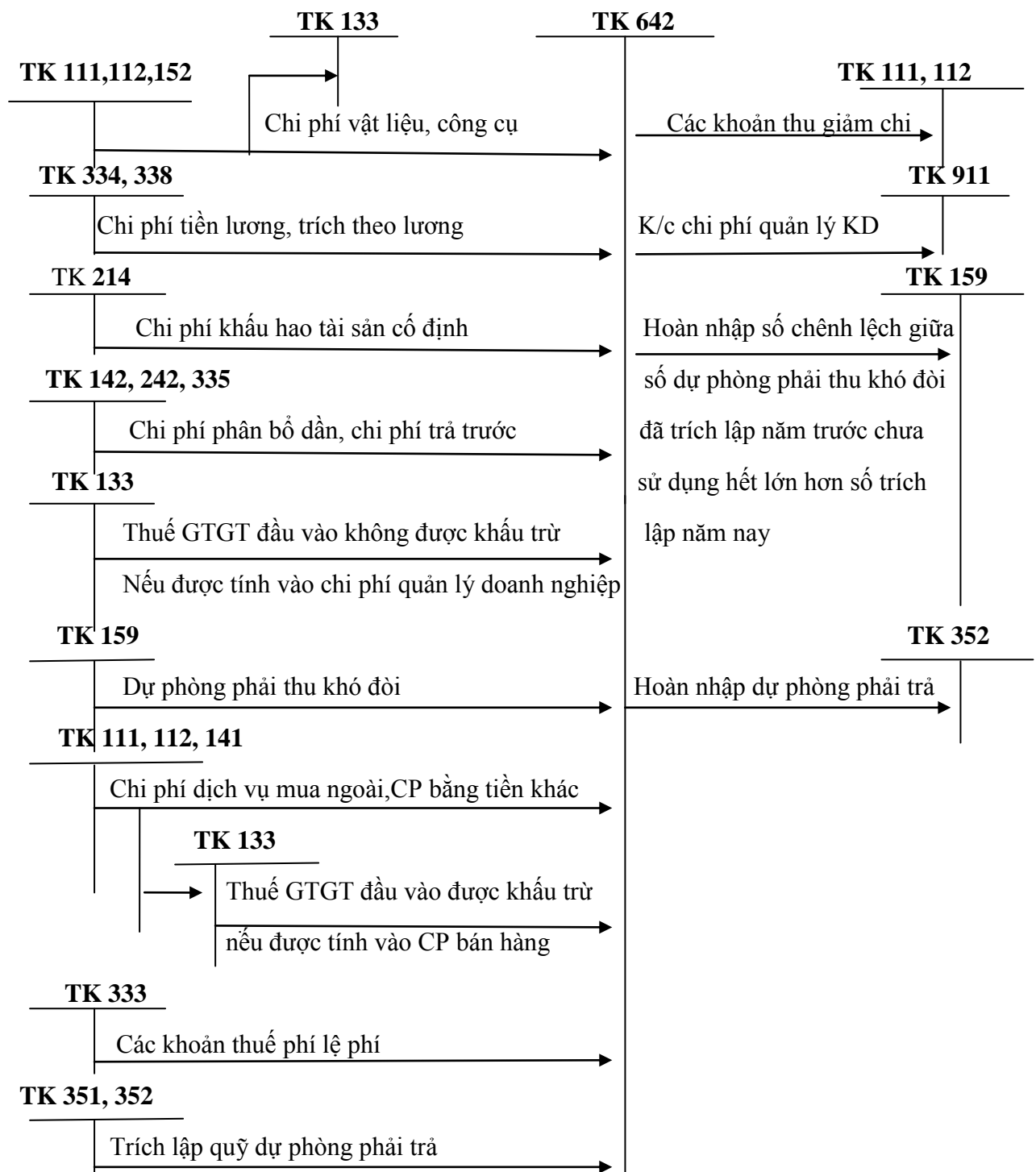
Bên có:

Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (TK6421), chi phí quản lý doanh nghiệp(TK6422) (nếu có).

Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào bên Nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.1.4.5.3 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- các chứng từ gốc có liên quan

*** Tài khoản sử dụng: TK 635: Chi phí tài chính**

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh toán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ
- Khoản lỗ phát sinh trong khi bán ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

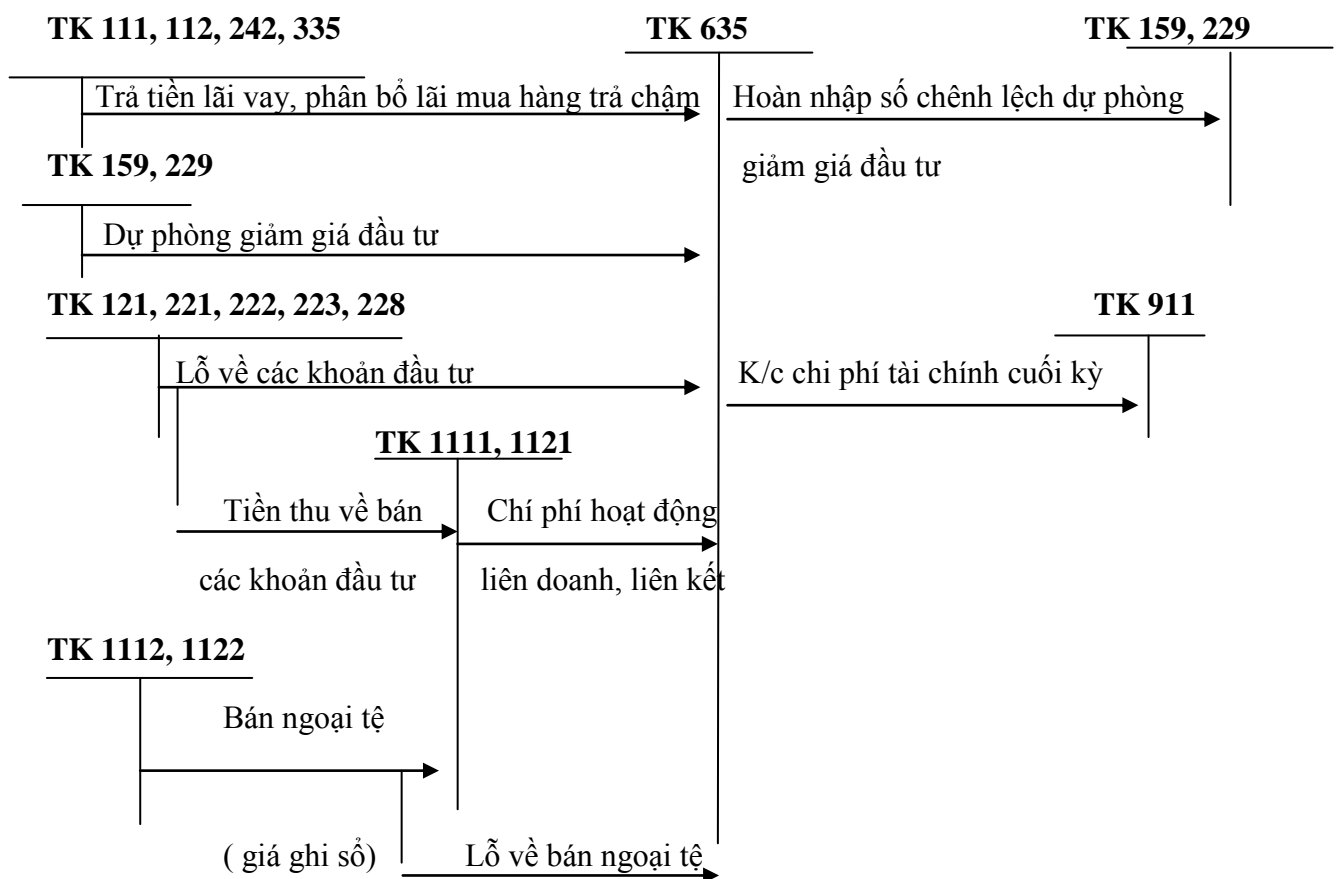
Bên có

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.1.4.5.4 Kế toán chi phí khác

Nội dung

Chi phí khác của DN gồm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, chi phí do bị nhầm, bỏ sót, chi phí khác.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

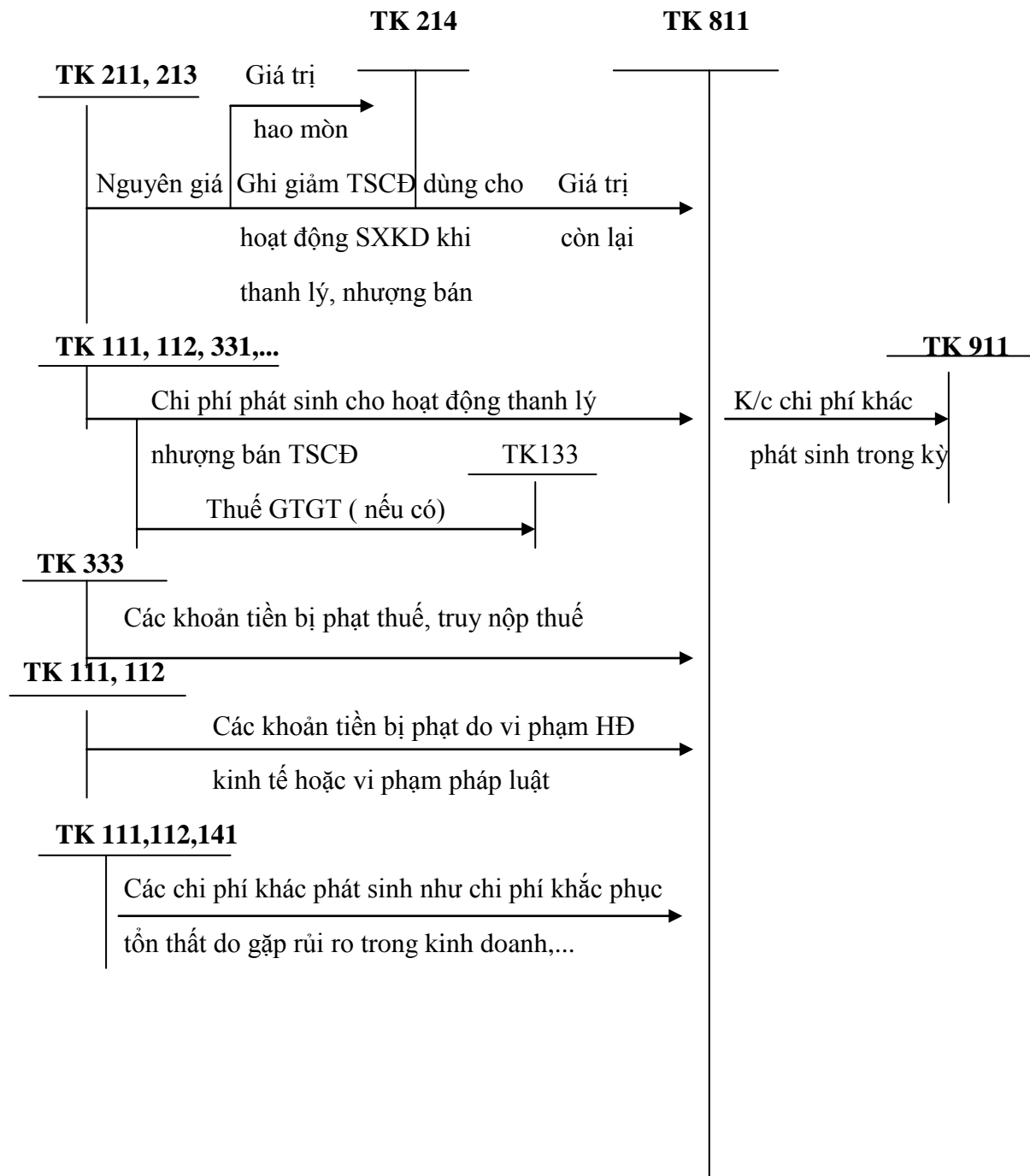
Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.1.4.5.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ khác có liên quan,...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211-“ Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212-“ Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ:

Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ

Chi phí thuế TNDN ghi tăng thêm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Bên có:

Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp và chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

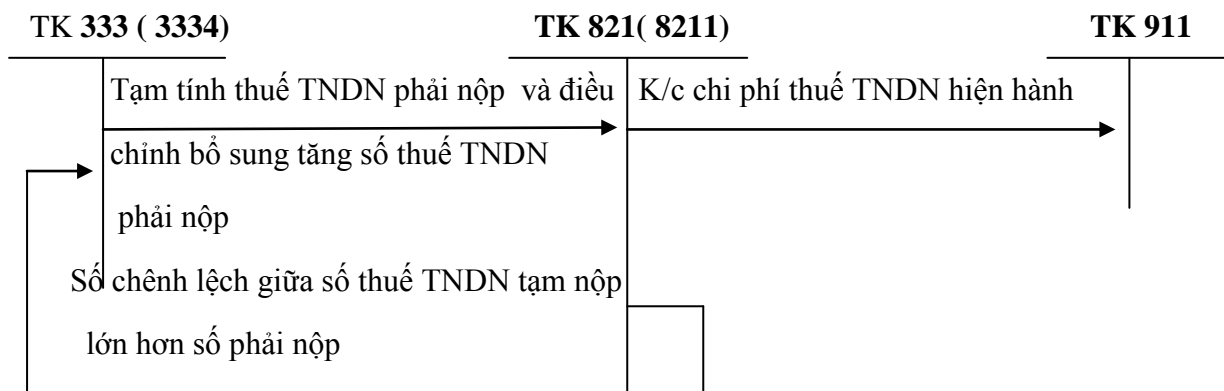
Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

*** Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



1.1.4.5 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

*** Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

Các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 911-“ xác định kết quả kinh doanh”

TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

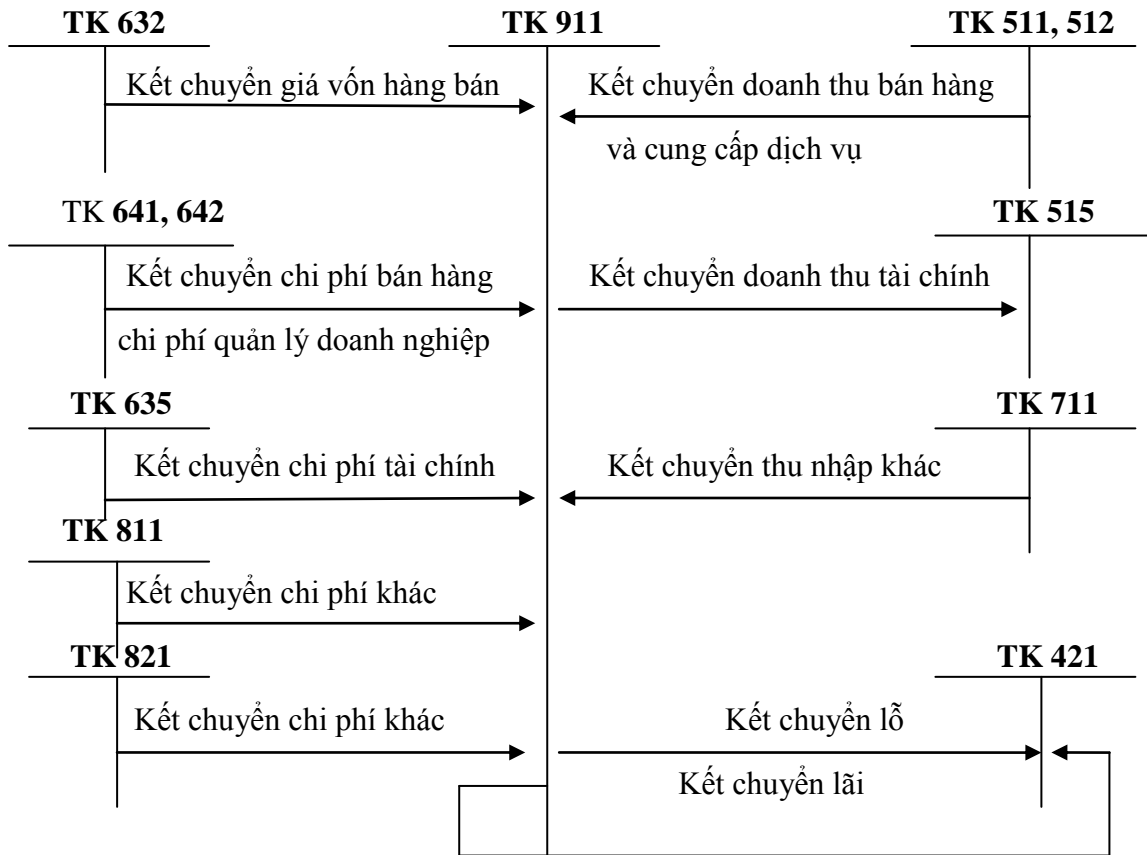
Bên có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác
- Lãi về các hoạt động trong kỳ

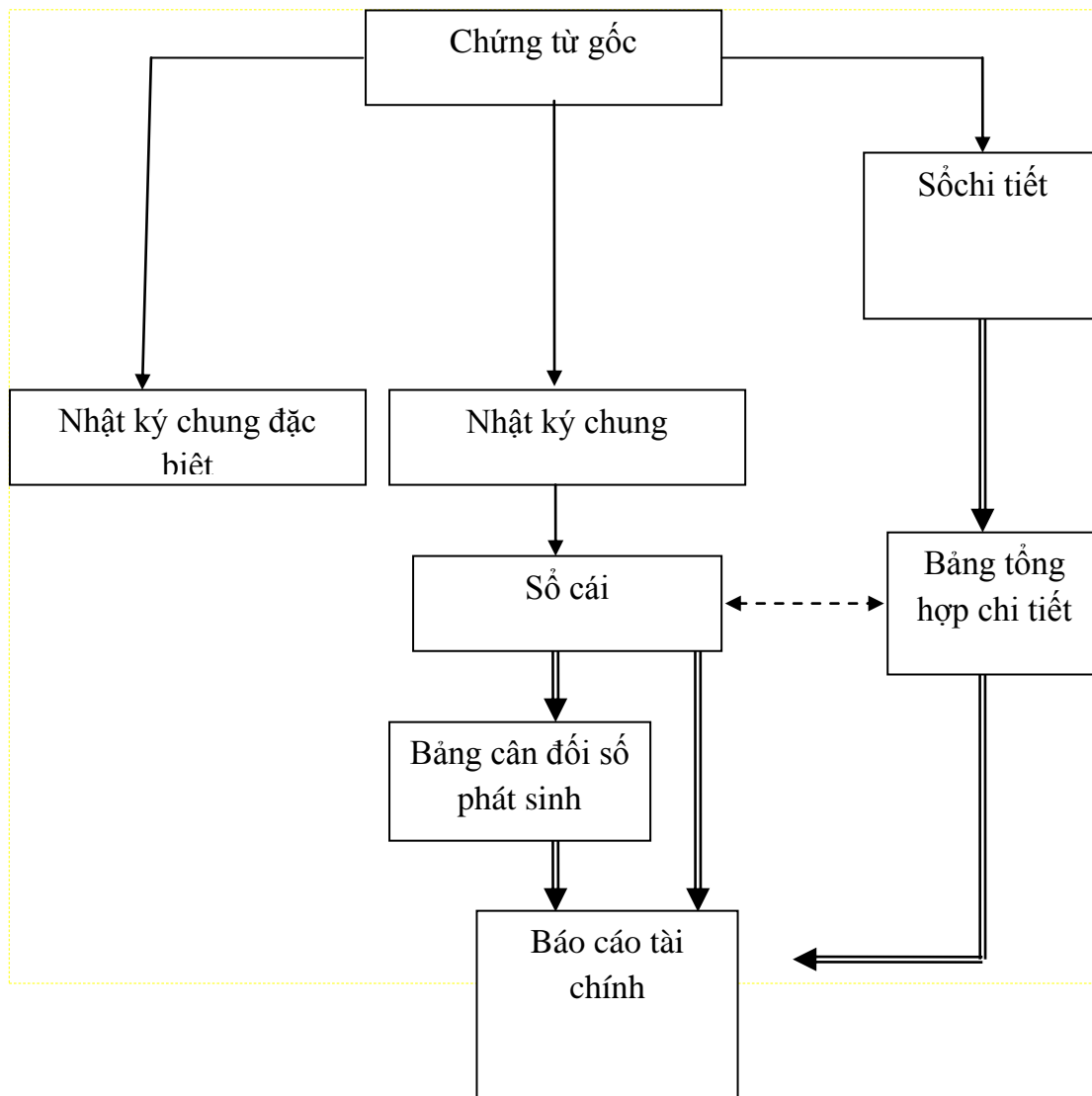
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.1.5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm ăn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật lý đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái.

Cuối tháng, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, kế toán lập các báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

2.1 Khát quát chung về công ty TNHH Vinh Ngàn.

2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vinh Ngàn.

Công ty CP TNHH Vinh Ngàn được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 5700569136 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp .

Tên đầy đủ: Công ty TNHH Vinh Ngàn.

Tên tiếng anh: Vinh Ngan compnay limited

Tên viết tắt: VinhNganco.ltd

Trụ sở kinh doanh: Thôn 10A - Hải Xuân - Móng Cái - Quảng Ninh

Tel: 0333.881.179

Fax: 0333.881.179

Mã số thuế: 5700569136

Người đại diện: Ông Mễ Văn Vinh

Công ty TNHH Vinh Ngàn là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định, độc lập về tài chính, có con dấu riêng. Công ty tự chịu trách nhiệm về tài sản, chịu trách nhiệm đối với những khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ và hoạt động sản xuất kinh doanh. Được hoạch toán độc lập và tự chủ về tài chính.

Tháng 11 năm 2005 trong khi công cuộc “công nghiệp hóa – hiện đại hóa” của nền kinh tế của đất nước có bước chuyển biến tích cực, chính sách kinh tế mở rộng quan hệ thương mại với các nước trên thế giới. Thành Phố Móng Cái với vị trí địa lý thuận lợi về đường biển lẫn đường bộ cùng với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Đứng trước cơ hội đó, Ông Mễ Văn Vinh đã mạnh dạn thành lập công ty lấy tên là Công ty TNHH Vinh Ngàn với số vốn ban đầu là 7.100.000.000 đồng.

Công ty TNHH Vinh Ngàn là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh độc lập theo Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng: xi măng, cát, đá, sắt, thép,.....

2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng gồm có:

- Xi măng hải phòng, xi măng lam thạch, xi măng cẩm phả,..
- Thép việt – úc,...
- Cát, đá, sỏi,....

Công ty TNHH Vinh Ngàn được tiến hành hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả trong nước.

2.1.2.2 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của công ty

Công ty TNHH Vinh Ngàn là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

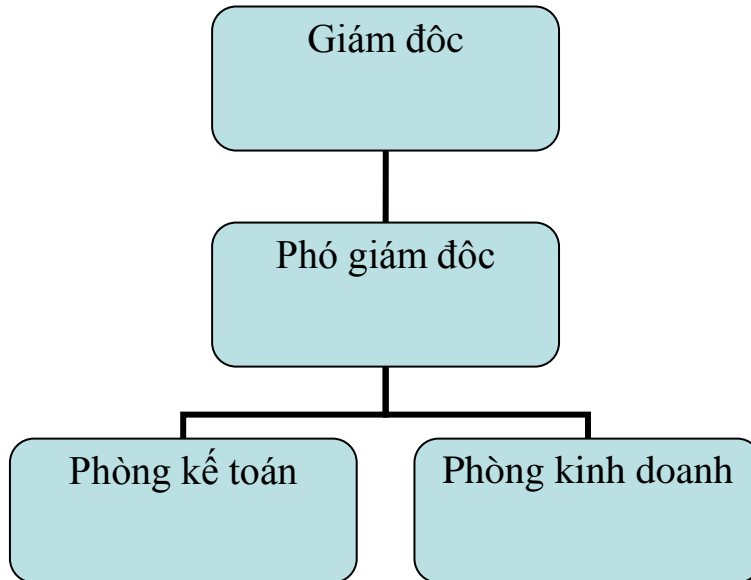
- Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập
- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước
- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi
- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước
- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật
- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:

- Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng
- Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng

2.1.2.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH Vinh Ngân

Giám đốc: Giám đốc là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty. Là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Giám đốc công ty chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn.

Phó giám đốc: Là người trực tiếp nhận nhiệm vụ của giám đốc. Thay mặt giám đốc khi giám đốc vắng mặt, trực tiếp quản lý các bộ phận trong công ty.

Phòng kế toán: làm nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các vấn đề kế toán, vốn và quản lý vốn, tổ chức hạch toán các nghiệp vụ mua bán, thanh toán công nợ, thanh toán với ngân hàng nhà nước, phân phối lợi nhuận; quản lý vốn, tài sản, hàng hóa, chi phí bằng cách theo dõi, phản ánh chính xác sự biến động cũng như các đối tượng đó. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo dõi đúng quy định.

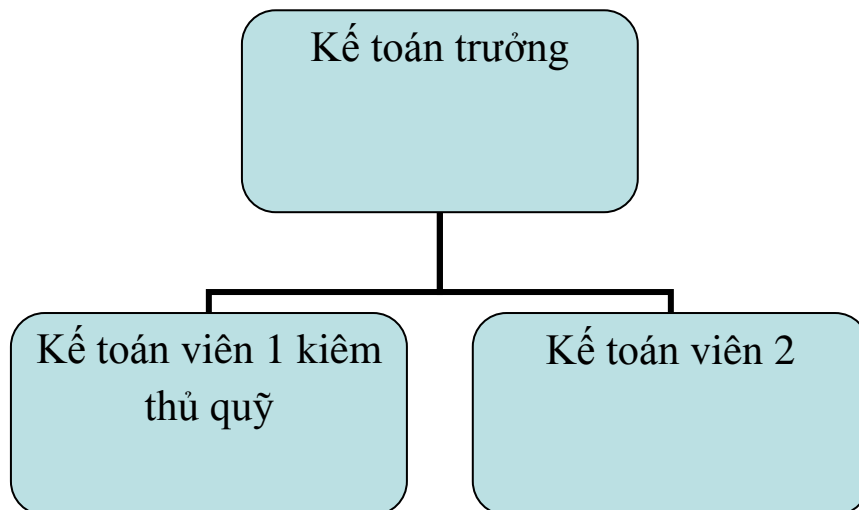
- *Phòng kinh doanh:* Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong nước, nghiên cứu và tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh. Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển,

thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thực hiện liên doanh liên kết mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển xuất khẩu. giao dịch và đàm phán với khách hàng.

2.1.3 Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đã lựa chọn hình thức tổ chức kế toán tập trung để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của mình. Hình thức này giúp cho việc chỉ đạo nghiệp vụ tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán trong doanh nghiệp.



Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán của công ty

2.1.3.2 Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp đóng góp một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, giúp cho các nhà quản lý nắm rõ tình hình về nguồn tài sản, tài chính và công tác thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác để các nhà quản lý có cơ sở đánh giá và có hướng giải quyết kịp thời đối với những lợi ích của công ty. Cơ cấu của bộ máy kế toán của công ty như sau:

- **Kế toán trưởng:** : Chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty, tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán theo chế độ qui định. Kiểm tra và ký các chứng từ thanh toán, các phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho và hồ sơ vay vốn. Đề xuất với Giám đốc về công tác quản lý tài chính. Chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty cũng như các cơ quan hữu quan khác về số liệu mà kế toán cung cấp
- **Kế toán viên 1 kiêm thủ quỹ:** : theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật liệu về số lượng và giá trị của toàn bộ kho vật tư của Công ty. Tổng hợp vật liệu vào chi phí sản xuất kinh doanh . Đồng thời có nhiệm vụ quản lý nhập và xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt, tiền gửi trong ngày. Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng
- **Kế toán viên 2:** theo dõi công nợ theo từng đối tượng khách hàng (mua, bán, tạm ứng), theo dõi công nợ theo hợp đồng, hạn thanh toán, các khoản phải thu phải trả khác kiêm kế toán tiền lương.

2.1.3.3 Đặc điểm chế độ kế toán

- **Chế độ kế toán áp dụng:** : Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/ QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành 14/09/2006 và các quyết định, thông tư bổ sung hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.

- **Niên độ kế toán:** : Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng:** : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- **Phương pháp tính thuế GTGT:** : Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp tính giá xuất kho:** *Nhập trước – Xuất trước.*

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định:** *Phương pháp khấu hao đường thẳng*

- **Hình thức kế toán:** Hình thức sổ kế toán mà Công ty đã và đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

Hình thức sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

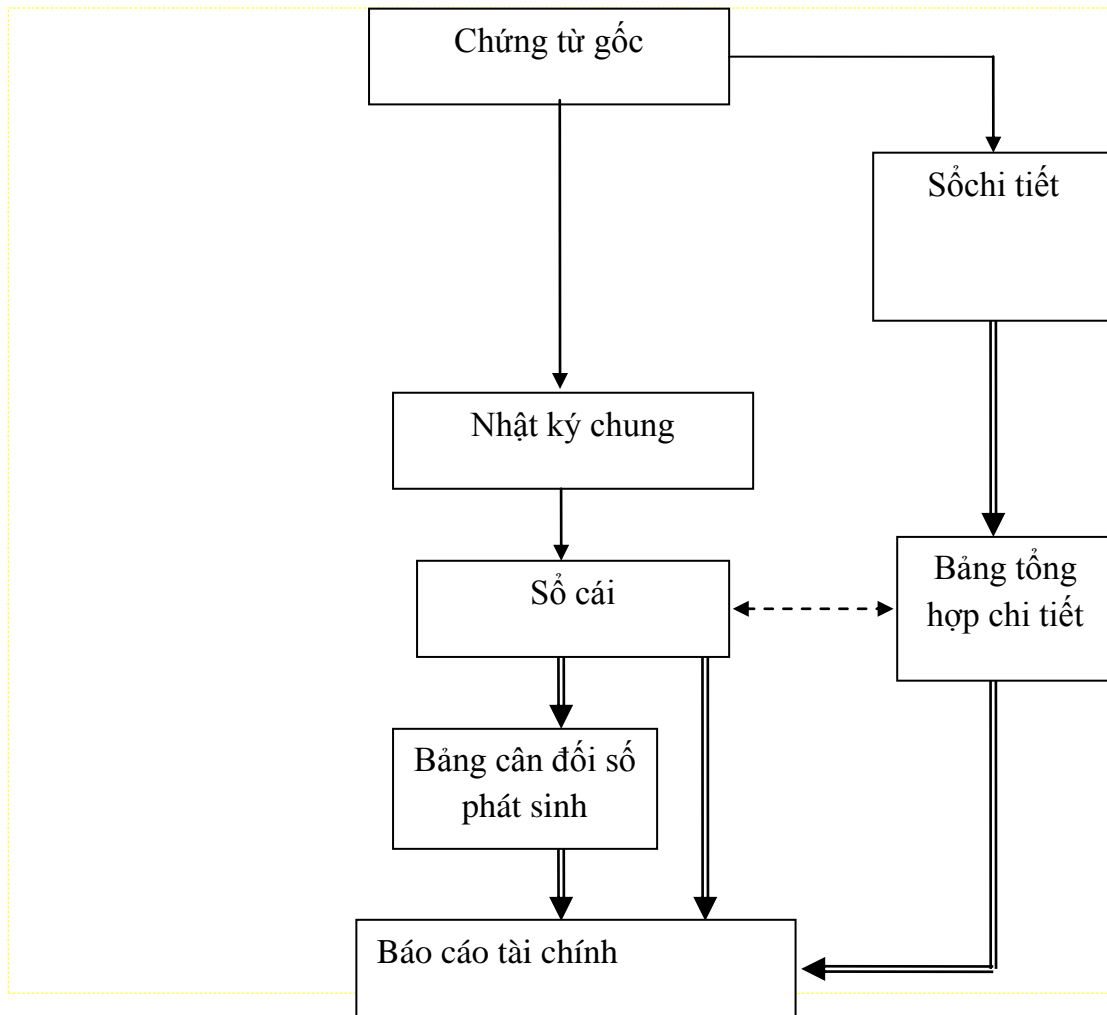
Hệ thống sổ sách bao gồm: - Sổ nhật ký chung

- Sổ cái các tài khoản

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo:

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B-01/DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B-02/DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B-09/DN |

2.1.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm ăn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản.

Cuối tháng, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, kế toán lập các báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng .

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu hạch toán
- Chứng từ thanh toán: Giấy báo có, phiếu thu
- Chứng từ khác liên quan: Hợp đồng kinh tế,...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó có tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng

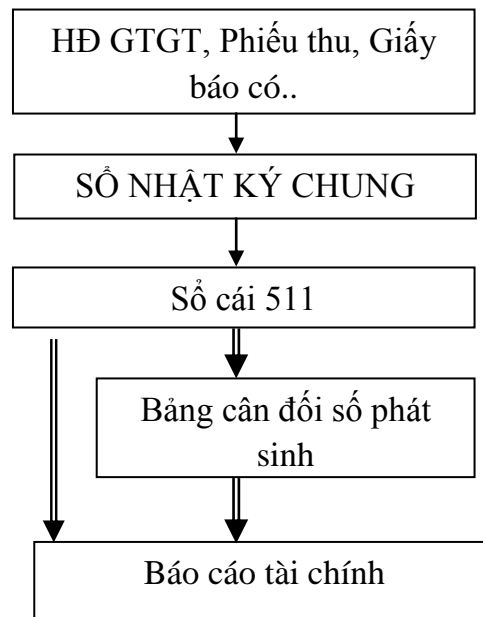
Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp

Hình thức thanh toán:

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Vinh Ngân



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu thu ghi vào sổ Nhật ký chung từ số liệu Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511. Cuối kỳ, từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 10/04/2013 Bán Xi măng Cẩm Phả cho công ty cổ phần xây dựng DCC với tổng giá thanh toán là 22.500.007 (VAT 10%) chưa thu tiền.

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0000236 ghi vào Nhật ký chung từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000236

HOÁ ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: nội bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 10 tháng 04 năm 2013			Số 0000236		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Vinh Ngân					
Mã số thuế: 5700569136					
Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị Công ty cổ phần xây dựng DCC					
Địa chỉ: Số 7/31 Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội					
Mã số thuế : 0101894794					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xi măng Cẩm phả	tấn	18	1.136.364	20.454.552
Cộng tiền hàng:					20.454.552
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 2.045.455	
Tổng cộng tiền thanh toán:					22.500.007
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn không trăm linh bảy đồng</i>					
Ngày 10 tháng 04 năm 2013					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 19/04/2013 bán xi măng PC 30 và thép xây dựng cho cô Mai với tổng giá thanh toán là 6.715.500 (VAT 10 %) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0000240 lập phiếu thu số 37, căn cứ vào HĐ GTGT và phiếu thu ghi vào nhật ký chung từ số liệu Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511.

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000240

HOÁ ĐƠN		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: nội bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 19 tháng 04 năm 2013			Số 0000240		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Vinh Ngàn					
Mã số thuế: 5700569136					
Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Cô Mai					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái					
Mã số thuế :					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xi măng PC 30	tấn	3	1.170.000	3.510.000
2	Thép xây dựng D6	kg	150	17.300	2.595.000
Cộng tiền hàng:					6.105.000
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 610.500	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.715.500
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng					
Ngày 19 tháng 04 năm 2013					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 37

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số 01-TT

Thôn 10A Hải Xuân- Móng Cái- QN Ban hành theo QĐ số 48/2006/Q Đ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ TC

PHIẾU THU

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Số : 37

TK nợ	TK có	Số tiền
1111	511	6.105.000
1111	3331	610.500

Họ và tên người nộp tiền: Cô Mai

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng HĐ 240

Số tiền: 6.715.500

Bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền : *Sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.4 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
10/04	HD GTGT 0000236	10/04	Doanh thu bán xi măng Cẩm Phả	131 5111	20.454.552	20.454.552
10/04	HD GTGT 0000236	10/04	Thuế GTGT HD 236	131 3331	2.045.455	2.045.455
...
19/04	PT 37	19/04	Doanh thu bán xi măng PC 30 và thép xây dựng D6	1111 5111	6.105.000	6.105.000
19/04	PT 37	19/04	Thuế GTGT HD 240	1111 3331	610.500	610.500
20/04	HD GTGT 0000210	20/04	Mua cát bê tông Phú Thọ của công ty TNHH Thuận Phong	156 331	57.156.000	57.156.000
20/04	HD GTGT 0000210	20/04	Thuế GTGT HD 210	1331 331	5.715.600	5.715.600
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111 911	16.442.510.096	16.442.510.096
...
Tổng cộng					153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.5: Sổ cái 511

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
...
HD 0000236	10/04	Doanh thu bán xi măng Cẩm phả HD 0000236	131		20.454.552
PT 37	19/04	Doanh thu bán xi măng PC 30 và thép Xây dựng HD 240	1111		6.105.000
...
31/12	PHT	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	16.442.510.096	
		Cộng phát sinh		16.442.510.096	16.442.510.096
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung: Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu lãi tiền gửi ngân hàng

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 1121: Tiền Việt Nam

Trong đó: TK 11211: Tiền Việt Nam tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Móng Cái

TK 11212: Tiền Việt Nam tại ngân hàng ngoại thương Móng Cái

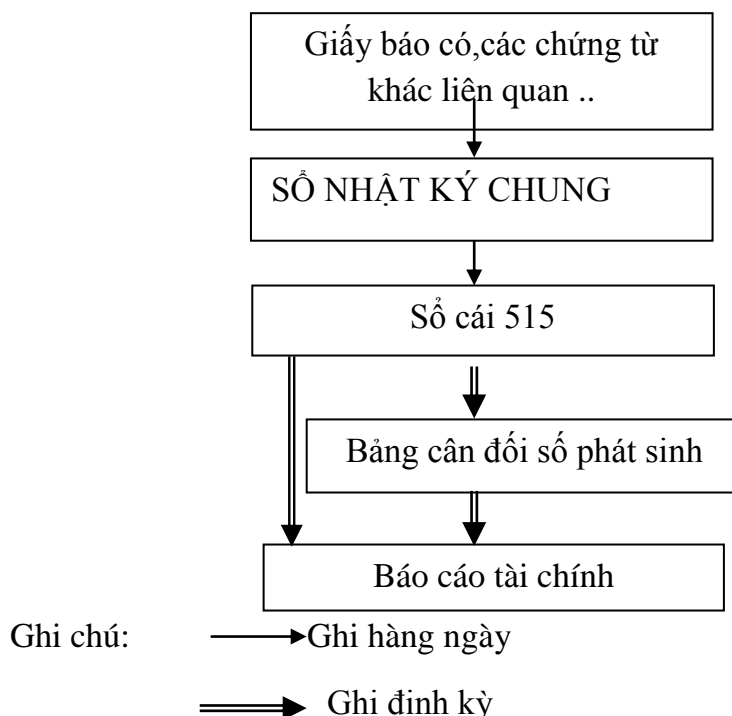
TK 11213: Tiền Việt Nam tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Vinh Ngân



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính

Ví dụ 1 Ngày 22/04/2013 công ty nhận được giấy báo có trả lãi của ngân hàng ngoại thương chi nhánh Móng Cái về lãi tiền gửi được hưởng số tiền 372.100

Căn cứ vào giấy báo có kế toán ghi vào nhật ký chung từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515

Biểu số 2.6: Giấy báo có trả lãi tiền gửi

VIETCOMBANK MÓNG CÁI

GIẤY BÁO CÓ TRẢ LÃI TIỀN GỬI

Ngày 22/04/2013

TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

SỐ TÀI KHOẢN: 0551000167901

Từ ngày ; Đến ngày ; Lãi suất ; Tiền lãi

23/03/2013 22/04/2013 1.80000000 327.100

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

Biểu số 2.7: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	
			...				
10/04	HĐ GTGT 0000236	10/04	Doanh thu bán xi măng Cẩm Phả	131 5111	20.454.552	20.454.552	
10/04	HĐ GTGT 0000236	10/04	Thuê GTGT HĐ 236	131 3331	2.045.455	2.045.455	
...	
19/04	PT 37	19/04	Doanh thu bán xi măng PC 30 và thép xây dựng	1111 5111	6.105.000	6.105.000	
19/04	PT 37	19/04	Thuế GTGT HĐ 240	1111 3331	610.500	610.500	
...	
22/04	GBC 24	22/04	Nhận lãi ngân hàng ngoại thương	11212 515	372.100	372.100	
...	
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 2013	515 911	6.779.265	6.779.265	
...	
Tổng cộng						153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.8: Sổ cái 515

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
...
GBC 15	25/03	Nhận lãi ngân hàng ngoại thương Móng Cái tháng 3/2013	11212		24.189
...
GBC 20	23/03	Nhận lãi ngân hàng nông nghiệp tháng 3/2013	11211		458.000
...
GBC 24	22/04	Nhận lãi ngân hàng Ngoại thương tháng 4/2013	11212		372.100
...
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 2013	911	6.779.265	
		Cộng số phát sinh		6.779.265	6.779.265
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác

*** Chứng từ sử dụng**

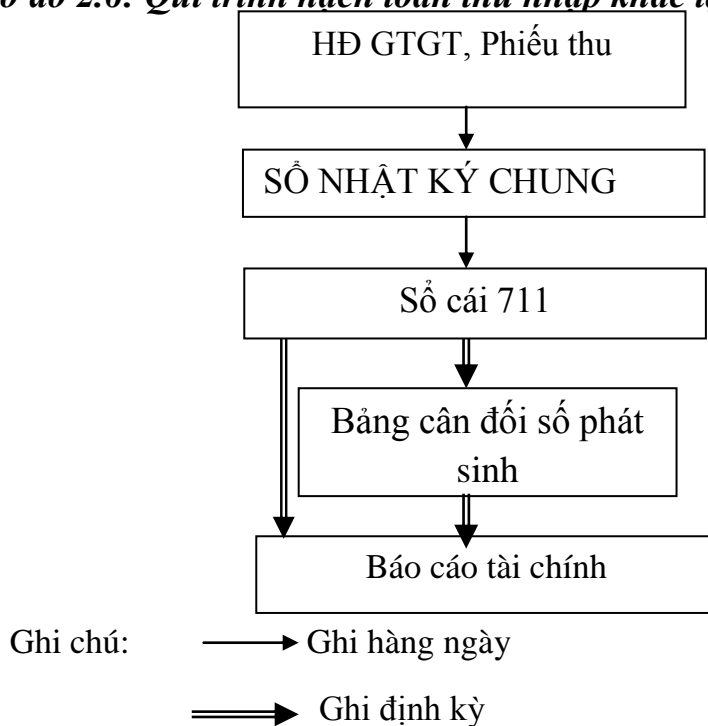
- HĐ GTGT
- Phiếu thu
- Chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 711: Thu nhập khác

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH Vinh Ngân.



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 711.

Cuối kỳ, từ sổ cái lập bảng cân đối phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trong năm 2013 công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu hạch toán
- Các chứng từ liên quan

* Tài khoản sử dụng

TK 632- Giá vốn hàng bán

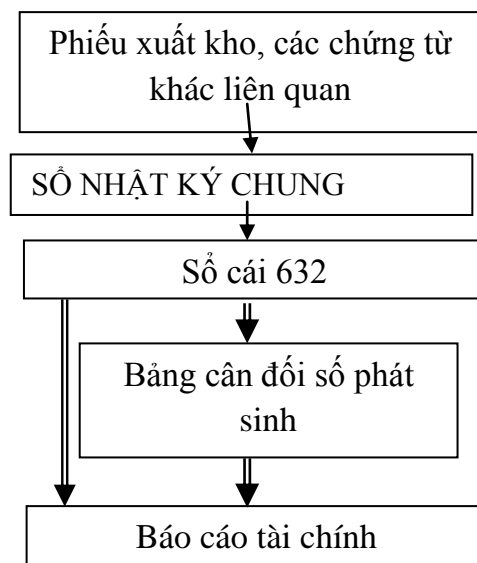
Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Theo phương pháp, hàng hóa nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn tại công ty TNHH Vinh Ngàn



Ghi chú

→ Ghi hằng ngày

⇒ Ghi định kỳ

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, từ số liệu nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái 632.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ từ sổ cái lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 10/04/2013 Bán Xi măng Cẩm Phả cho công ty cổ phần xây dựng DCC với tổng giá thanh toán là 22.500.007 (VAT 10%) chưa thu tiền.

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0000236 kế toán lập phiếu xuất số 26, căn cứ vào phiếu xuất số 26 ghi vào nhật ký chung từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 632

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 26

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số: 02-VT

ĐC: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày xuất 10/04/2013

TK Nợ TK có Số tiền

Số 26

632 156 19.252.113

Họ tên người giao nhận: Công ty cổ phần xây dựng DCC

Địa chỉ: Số 7/31 Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội

Mục đích sử dụng Xuất bán hàng

Xuất tại kho: Công ty TNHH Vinh Ngàn

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	C	B	D	1	2	3	(4=2x3)
1	Xi măng Cẩm phả	01	tấn	18,00	18,00	1.069.561,83	19.252.113
Cộng							19.252.113

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười ba đồng.

- Tổng chứng từ kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 10 tháng 04 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký tên, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 19/04/2013 bán xi măng PC 30 và thép xây dựng cho cô Mai với tổng giá thanh toán là 6.715.500 (VAT 10 %) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0000240 lập phiếu xuất kho số 30, căn cứ vào phiếu xuất số 30 ghi vào nhật ký chung từ số liệu Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632.

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho 30

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số: 02-VT

ĐC: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày xuất 19/04/2013

TK Nợ TK có Số tiền

Số 30

632 156 5.375.674

Họ tên người giao nhận: Cô Mai

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái

Mục đích sử dụng Xuất bán hàng

Xuất tại kho: Công ty TNHH Vinh Ngàn

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	C	B	D	1	2	3	(4=2x3)
1	Xi măng PC 30	01	tấn	3,00	3,00	1.069.561,63	3.208.685
2	Thép xây dựng D6	03	kg	150,00	150,00	14.466,59	2.166.989
Cộng							5.375.674

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng.

- Tổng chứng từ kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký tên, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
10/04	HĐ GTGT 0000236	10/04	Doanh thu bán xi măng Cẩm Phả	131 5111	20.454.552	20.454.552
10/04	HĐ GTGT 0000236	10/04	Thuế GTGT HĐ 236	131 3331	2.045.455	2.045.455
10/04	PX26	10/04	Giá vốn hàng bán HĐ 236	632 156	19.252.113	19.252.113
...
19/04	PT 37	19/04	Doanh thu bán xi măng PC 30 và thép xây dựng D6	1111 5111	6.105.000	6.105.000
19/04	PT 37	19/04	Thuế GTGT HĐ 240	1111 3331	610.500	610.500
19/04	PX 30	19/04	Giá vốn hàng bán HĐ 240	632 156	5.375.674	5.375.674
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 2013	911 632	14.529.356.642	14.529.356.642
...
Tổng cộng					153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.13: Sổ cái 632

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
...
PX 26	10/04	Giá vốn hàng bán HĐ 236	156	19.252.113	
...
PX 30	19/04	Giá vốn hàng bán HĐ 240	156	5.375.674	
...
PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 2013	911		14.529.356.642
		Cộng số phát sinh		14.529.356.642	14.529.356.642
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu)

2.2.2.2 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh là những chi phí hành chính và những chi phí quản lý doanh nghiệp chung bao gồm:

- Chi phí lương cho nhân viên văn phòng
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí văn phòng: mua văn phòng phẩm,...
- Chi phí thuế phí: Phí đường bộ xe vận tải, photo công chứng
- Chi phí mua ngoài khác: cước điện thoại, mua xăng dầu, bảo hiểm ô tô, bảo hiểm vật chất tai nạn cho người,...

* Chứng từ sử dụng

- HĐ GTGT
- Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

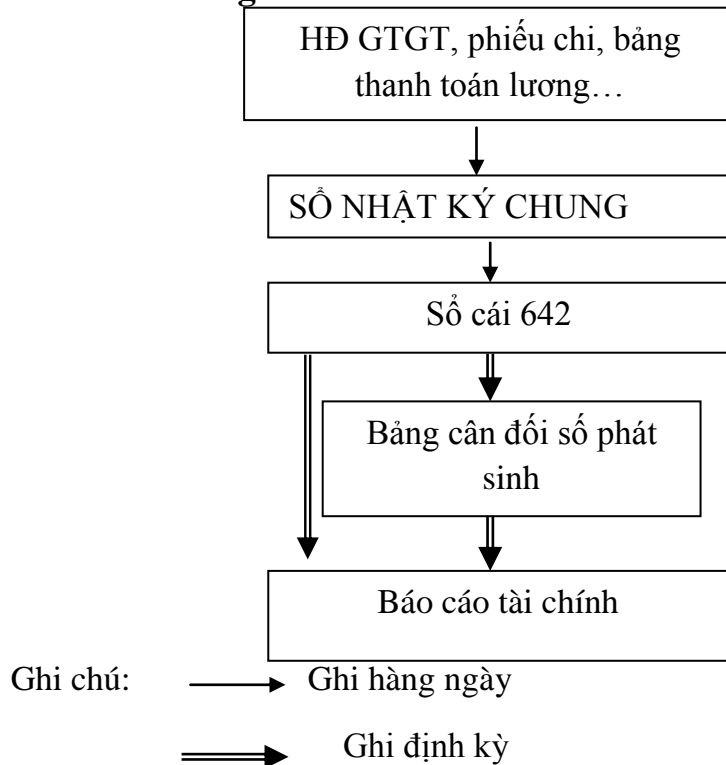
* Tài khoản sử dụng:

TK 642_ “Chi phí quản lý kinh doanh”

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngàn



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính

Ví dụ 1 Ngày 29/04/2013 Chi tiền tiếp khách tổng số tiền thanh toán là 3.300.000 (VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt

Căn cứ vào HD GTGT số 0000809 kế toán lập phiếu chi số 75, từ HD GTGT và phiếu chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào số liệu nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái 642

Biểu số 2.14 Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000809

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/12P
Liên 2: Giao cho khách hàng	Số: 0000809
<i>Ngày 29 tháng 04 năm 2013</i>	
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH MTV Duyên Hải	
MST	: 570010387
Địa chỉ	: Nguyễn Du, Hòa Lạc, Móng Cái
Số tài khoản	:
Điện thoại	:
Họ tên người mua hàng :	
Tên đơn vị	: Công ty TNHH Vinh Ngân
Địa chỉ	: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh
Số tài khoản	:
Hình thức thanh toán	: Tiền mặt
	MST : 5700569136
Cộng tiền hàng	3.000.000
Thuế suất thuế GTGT 10 %	Tiền thuế GTGT 300.000
Tổng cộng tiền thanh toán	3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.	
Người mua hàng (đã ký)	Người bán hàng (đã ký)
	Thủ trưởng đơn vị. (đã ký)

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 75

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số 01-TT

Thôn 10A Hải Xuân- Móng Cái- QN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/Q Đ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ TC

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 04 năm 2013

Số : 75

TK nợ TK có Số tiền

6422 1111 3.000.000

133 1111 300.000

Tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Quang Oanh

Địa chỉ: Công ty TNHH Vinh Ngàn

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền: 3.300.000

Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền : *Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.16: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
08/04	PC62	08/04	Thanh toán tiền xăng	6422	6.368.100	
				1111		6.368.100
08/04	PC62	08/04	Thuế GTGT đầu vào hàng hóa	1331	636.810	
				1111		636.810
08/04	PC63	08/04	Thanh toán tiền điện thoại	6422	1.778.355	
				1111		1.778.335
08/04	PC63	08/04	Thuế GTGT đầu vào	1331	177.835	
				1111		177.835
...
29/04	PC75	29/04	Chi tiếp khách	6422	3.000.000	
				111		3.000.000
29/04	PC75	29/04	Thuế GTGT đầu vào	1331	300.000	
				1111		300.000
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	1.251.881.329	
				642		1.251.881.329
Tổng cộng					153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.17: Sổ cái 642

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
...
PC62	08/04	Thanh toán tiền xăng	1111	6.368.000	
PC63	08/04	Thanh toán tiền điện thoại	1111	1.778.335	
...
PC75	29/04	Chi tiếp khách	1111	3.000.000	
...
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.251.881.329
		Cộng số phát sinh		1.251.881.329	1.251.881.329
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu)

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

* **Nội dung:** Chủ yếu là lãi vay phải trả ngân hàng

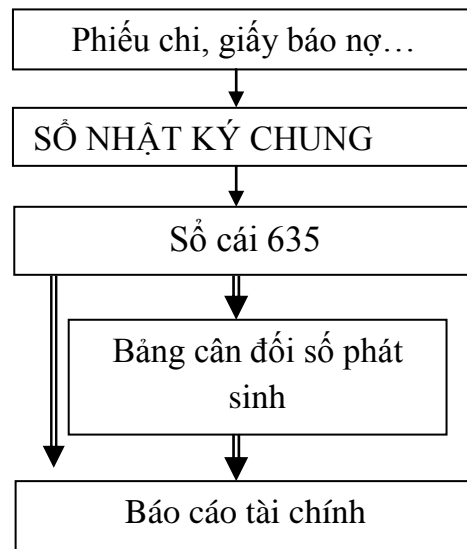
* **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

* **Tài khoản sử dụng:** TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

* **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Vinh Ngân



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kì

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 26/04/2013 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam về việc trả lãi vay ngân hàng với số tiền là 21.855.000

Căn cứ vào giấy báo nợ kê toán ghi vào sổ nhật ký chung từ nhật ký chung kê toán sẽ ghi vào sổ cái 635

Biểu số 2.18: Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Bank for Investment and Development of Viet Nam

CHI NHÁNH/ Branch:

ĐỊA CHỈ/ address:

GIẤY BÁO NỢ

DEBIT ADVICE

Kính gửi/ To: Công ty TNHH Vinh Ngân

Ngân hàng chúng tôi hân hạnh thông báo tài khoản của Quý khách đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Please note that we have today DEBITED your account with the following entries:

Số tài khoản/ Account No: 44410000056017
VND

Tiền tệ/ currency:

Tên tài khoản/ Account name: Công ty TNHH Vinh Ngân

Số tiền/ Amount: 21.855.000	Bằng chữ/ In word: Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi năm nghìn đồng		
Ngày hạch toán/ Posting date: 26/04/2013	Ngày hiệu lực/ Effective date: 01/01/2013		
Diễn giải/ Description: DN – BIDV MONG CAI THU TIEN LAI VAY			
Số tiền trên được ghi có bởi: Above amount is credited by:	Chi nhánh/ Branch: 444	Giao dịch viên/ Teller: 44499043	Số chứng từ/ Seg. No 5

Giao dịch viên/ Checked by

Kiểm soát viên/ Verified by

Biểu số 2.19: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
28/03	GBN29	28/03	Trả tiền lãi vay ngân hàng ngoại thương	635	31.850.000	
				11212		31.850.000
...
09/04	GBN32	09/04	Trả tiền lãi NH ngoại thương	635	2.333.333	
				11212		2.333.333
...
26/04	GBN42	26/04	Trả tiền lãi gửi NH đầu tư và phát triển VN	635	21.855.000	
				11213		21.855.000
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển Chi phí tài chính 2013	911	574.558.981	
				635		574.558.981
...
Tổng cộng					153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.20: Sổ cái 635

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
...
GBN 29	28/03	Trả tiền lãi NH ngoại thương	11212	31.850.000	
...
GBN 32	09/04	Trả tiền lãi vay NH Nông nghiệp	11211	2.333.333	
...
GBN 42	26/04	Trả tiền lãi vay NH đầu tư và phát triển VN	11213	21.855.000	
...
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		574.558.981
		Cộng số phát sinh		574.558.981	574.558.981
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác

Nội dung: Chi phí khác của các doanh nghiệp gồm:

- Chi phí khi bị phạt thuế
- Hạch toán giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý nhượng bán
- Các khoản chi phí khác

*** Chứng từ sử dụng:**

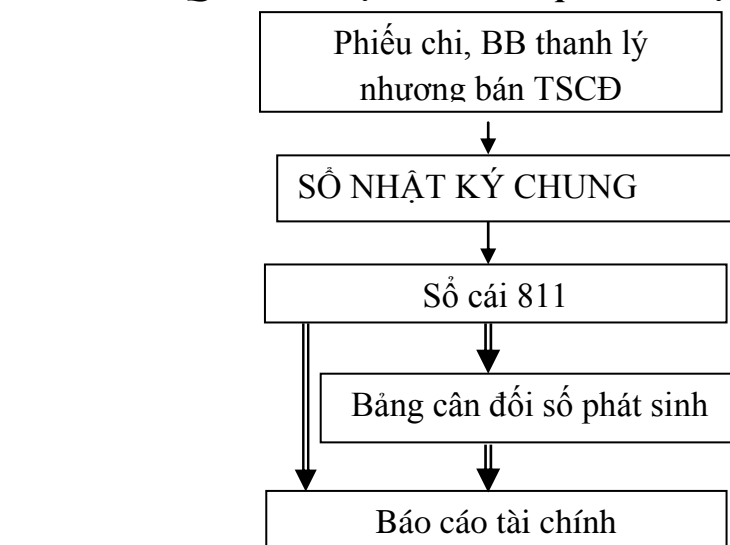
- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811: Chi phí khác

*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty TNHH Vinh Ngân



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 811. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trong năm 2013 công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

* Tài khoản sử dụng

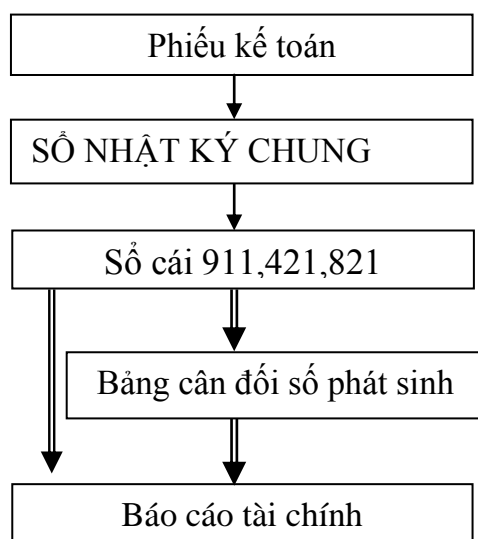
TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

⇒ Ghi định kỳ

Cuối năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2013 kế toán thực hiện kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác - Giá vốn - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh - Chi phí khác.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 16.442.510.096
- Doanh thu hoạt động tài chính: 6.779.265
- Giá vốn hàng bán: 14.529.356.642
- Chi phí tài chính: 574.558.981
- Chi phí quản lý kinh doanh: 1.251.881.329
- Thu nhập khác: 0
- Chi phí khác: 0
- Kết quả kinh doanh = 16.442.510.096 + 6.779.265 + 0 - 14.529.356.642 - 574.558.981 - 1.251.881.329 - 0 = 93.492.405

Kết quả kinh doanh = 93.492.409 > 0 → lãi

Thuế TNDN phải nộp = 93.492.405 x 25% = 23.373.102

Lợi nhuận sau thuế = 93.492.405 x 75% = 70.119.307

Kế toán lập các phiếu hạch để kết chuyển doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung từ số liệu trên nhật ký chung ghi vào sổ cái 911 và các sổ cái khác liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.21:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	16.442.510.096
			Cộng			16.442.510.096

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.22:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.779.265
			Cộng			6.779.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.23:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	14.529.356.642
			Cộng			14.529.356.642

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.24:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	574.558.981
			Cộng			574.558.981

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.25:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.251.881.329
			Cộng			1.251.881.329

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.26:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế TNDN năm 2013	821	3334	23.373.102
			Cộng			23.373.102

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.27:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2013	911	821	23.373.102
			Cộng			23.373.102

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.28:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700569136

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển lãi năm 2013	911	421	70.119.307
			Cộng			70.119.307

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.29: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	16.442.510.096	
				911		16.442.510.096
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	6.779.265	
				911		6.779.265
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	14.529.356.642	
				632		14.529.356.642
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	574.558.981	
				635		574.558.981
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	1.251.881.329	
				6422		1.251.881.329
31/12	PHT	31/12	Xác định thuế TNDN 2013	821	23.373.102	
				3334		23.373.102
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành 2013	911	23.373.102	
				821		23.373.102
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển lãi 2013	911	70.119.307	
				421		70.119.307
Tổng cộng					153.314.129.129	153.314.129.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.30: Sổ cái 911

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		16.442.510.096
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		6.779.265
PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	14.529.356.642	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	574.558.981	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.251.881.329	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2013	821	23.373.102	
PHT	31/12	Kết chuyển lãi 2013	421	70.119.307	
		Cộng SPS		16.449.289.361	16.449.289.361
		Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.31: Sổ cái 821

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK			
		SPS			
PHT	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp 2013	3334	23.373.102	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		23.373.102
		Cộng số phát sinh		23.373.102	23.373.102
		Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.32: Sổ cái 421

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Thôn 10A- Hải Xuân- Móng Cái

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 5700569136

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		SDDK		52.024.326	
		SPS			
PHT	31/12	Kết chuyển lãi năm 2013	911		70.119.307
		Cộng số phát sinh			70.119.307
		Số dư cuối kỳ			18.094.981

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VINH NGÀN.

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vinh Ngàn.

3.1.1 Kết quả đạt được

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Vinh Ngàn em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Kế toán viên đảm nhận chức năng nhiệm vụ riêng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.
- Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với quy mô của công ty. Bộ phận kế toán gồm có ba người: một kế toán trưởng, một nhân viên kế toán và một kế toán kiêm thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Đội ngũ kế toán năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc, tinh thần làm việc có trách nhiệm cao, không ngại khó góp phần rất lớn trong sự phát triển của công ty.
- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo các tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

**** Về chứng từ kế toán và các tài khoản kế toán sử dụng:***

Hiện nay, công ty đang áp dụng đầy đủ hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo đúng với mẫu do Bộ Tài Chính qui định, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện khẩn trương, liên tục.

**** Về tổ chức hệ thống sổ kế toán***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về mẫu mã và cách vào sổ, thuận tiện cho việc quản lý của kế toán.

Sổ sách được kế toán ghi chép đầy đủ, khoa học đảm bảo về yêu cầu kiểm tra đối chiếu của kế toán và công tác quản lý doanh nghiệp của công ty.

**** Về việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.***

Việc hạch toán doanh thu đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện chặt chẽ. Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Cuối năm, kế toán xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh theo đúng chế độ hiện hành và lập báo cáo tài chính để trình lên giám đốc. Nhờ sự hỗ trợ của đội ngũ kế toán nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, kết quả về hoạt động kinh doanh cả công ty luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những tồn tại cần hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

3.1.2.1 . Về chứng từ sử dụng

Hiện nay, công ty chưa đánh số cho các phiếu hạch toán trong kỳ dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

3.1.2.2 . Về sổ sách sử dụng:

- Hiện nay, công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng nhằm cung cấp thông tin chính xác về tình hình tiêu thụ từng mặt hàng cũng như xác định mặt hàng nào mang lại lợi nhuận cao hơn cho công ty.
- Công ty chưa mở sổ chi tiết cho TK 6422 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh

3.1.2.3 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.4 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng với số lượng lớn. Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ không kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm chậm khả năng tiêu thụ hàng

3.1.2.5 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn, không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại như:

- Kế toán mất nhiều thời gian cho việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh
- Tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.
- ...

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân

3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vinh Ngân

3.2.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán

Công ty nên đánh số phiếu hạch toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu hạch toán nên đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PHT 01/01, PHT 01/02....

3.2.2.2 Hoàn thiện sổ sách kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của các sản phẩm. Từ đó sẽ đưa được ra các quyết định kinh doanh hiệu quả.

Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng như sau:

Biểu số 3.1

Đơn vị :

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doang thu thuần						
			- Giá vốn hàngbán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàytháng năm.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Em xin lập sổ chi tiết bán hàng cho xi măng Cẩm Phả như sau:

Biểu số 3.2

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm : Xi măng Cẩm phả
Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Các khoản tính trừ
	Số hiệu	Ngày tháng						(5211,5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
10/04	HD 0000236	10/04	Bán hàng công ty CP XD DCC	131	18	1.136.364	20.454.552	
...
20/05	HD 0000304	20/05	Bán hàng công ty Uy Nam	131	12	1.170.000	14.040.000	
...
			Cộng số phát sinh		2.255		2.366.051.352	
			Giá vốn hàng bán				2.256.571.636	
			Lãi gộp				109.479.716	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

* Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 6422 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty. Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 3.3:

Đơn vị

Địa chỉ:

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo GD số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 154,631,642,142,242,632)

-Tài

khoản:.....

-Tên phân

xưởng:.....

-Tên sản phẩm, dịch

vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

-Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Người ghi sổ

Ngày tháng năm.

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Em xin lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 3.4:

CÔNG TY TNHH VINH NGÀN

Địa chỉ: Thôn 10A, Hải Xuân, Móng Cái, Quảng Ninh

Mẫu số S18-DN

(Ban hành theo GD số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các 154,631,642,142,242,632)

-Tài khoản: 6422

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đ/r	Tổng số tiền	Ghi Nợ tài khoản..						
	Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra						
						64221	64222	64223	64224	64225	64227	64228
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	
			Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	-	-
			Số phát sinh trong kỳ									
...
11/01	PC6	11/01	Tiền điện thoại	111	1.891.296						1.891.296	
...
13/01	PC07	13/01	Mua văn phòng phẩm	111	920.000		920.000					
...
29/04	PC75	29/04	Chi tiếp khách	111	3.000.000							3.000.000
...
31/12	HT	31/12	Hạch toán tiền lương văn phòng tháng 12	334	48.500.000	48.500.000						
			Ghi có TK 911		1.251.881.329							
			Cộng số phát sinh trong kỳ		1.251.881.329	682.000.000	28.980.000	17.278.800	260.901.329	15.630.000	82.695.552	164.395.648
			Số dư cuối kỳ									

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.2.3 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán, việc áp dụng chiết khấu thanh toán giúp công ty khuyến khích khách hàng thanh toán tiền hàng nhanh chóng, tránh được tình trạng nợ lâu.

- Phương pháp xác định:
 - + Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.
 - + Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
 - + Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp
 - + Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng chiết khấu theo thời gian.

- Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:

- Tài khoản sử dụng TK 635-“ Chi phí hoạt động tài chính”
- Phương pháp hạch toán:

B1: Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131

B2: Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản xác định kết quả hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

3.2.4 Về việc áp dụng chiết khấu thương mại

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có nhiều chính sách khuyến khích người mua hàng bằng việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Công ty nên tham khảo các công ty cùng ngành về mức cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại để đạt được hiệu quả cao cho công ty.

Một số trường hợp công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng.
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán:

Tài khoản sử dụng: TK 5211_ Chiết khấu thương mại

Phương pháp hạch toán:

B1: Khi phát sinh chiết khấu thương mại ghi:

Nợ TK 5211: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131, 111, 112:

B2: Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK5211: Chiết khấu thương mại

3.2.5 Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Phần mềm kế toán đã và đang trở thành một trong những công cụ hiệu quả trong công tác kế toán. Công ty TNHH Vinh Ngân là một công ty thương mại, trong tháng phát sinh nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép nhiều mà công việc kế toán chủ yếu tiến hành bằng Excel sẽ không tránh khỏi những sai sót. Do vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết cho công tác kế toán.

* Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán

- Giảm bớt công việc ghi chép, tiết kiệm thời gian, giúp kế toán giải quyết được các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý thông tin
- Đảm bảo tình chính xác và sự tin tưởng vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp.
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, sổ sách theo quy định

* Một số phần mềm kế toán hiện nay:

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012
- Phần mềm kế toán FAST
- ...

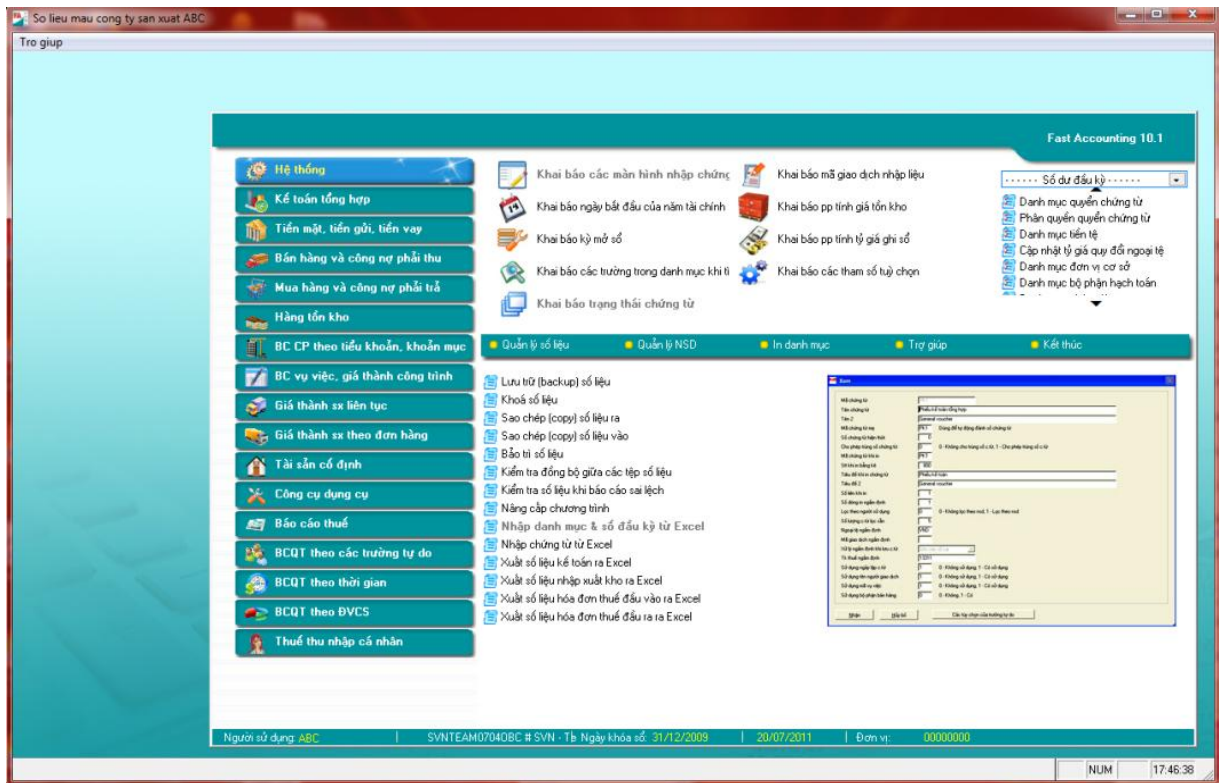
* Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm có 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán và vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP

* Phần mềm kế toán FAST

*Chức năng:*

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 10.1) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

*** Phần mềm kế toán smart**



Chức năng

- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....
- Phân tích doanh thu theo thời điểm, theo dõi hàng bán bị trả lại, báo cáo doanh số theo từng nhân viên, lập biểu đồ phân tích doanh số bán hàng...
- Trích khấu hao TSCD và CPCPB theo từng bộ phận, theo dõi chi phí theo từng bộ phận tự động.
- Tổng hợp doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, nhóm hàng, từng nhân viên, hợp đồng...
- In báo cáo nhanh theo yêu cầu, in sổ kế toán hàng loạt với 1 thao tác
- Xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, in sổ nhật kí mua hàng và bán hàng theo từng ngày...
- Quản lí chiết khấu theo khách hàng, theo mặt hàng...
- Cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng, cảnh báo hạn sử dụng từng mặt hàng.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty TNHH Vinh Ngân giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo- Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Vinh Ngân đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Đỗ Thị Quý